TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐỨC HÒA** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 159/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 21-7-2020
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Văn Phương

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Chí Lin

2. Bà Trần Thị Đổi

- Thư ký phiên toà: Bà Phạm Thị Hồng– Thư ký Toà án.

Ngày 21 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 134/2020/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 02 năm 2020 về việc tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 165/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 7 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 88/2020/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Đặng Thị L, sinh năm 1985

Bị đơn: Ông Lê Minh V, sinh năm 1978

Cùng địa chỉ: ấp A, xã B, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

(Các đương sự đều vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết, nguyên đơn bà Đặng Thị L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Đặng Thị L với ông Lê Minh V xác lập quan hệ vợ chồng có tổ chức lễ cưới vào năm 2000; có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện Đức Hòa vào ngày 30/7/2012. Đời sống chung vợ chồng hạnh phúc thời gian đầu, nhưng đến năm 2014 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do ông V có quan hệ ngoại tình nên vợ chồng thường xuyên gây gổ, cãi nhau và đã sống ly thân từ đầu năm 2019 đến nay; nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, Bà L yêu cầu được ly hôn với ông V.

Về con chung: Bà L với ông V con chung tên Lê Đặng Diễm T, sinh ngày 20/4/2002; đã thành niên.

Về tài sản chung: Bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà L xác định không có nợ chung với ông V.

Bị đơn ông Lê Minh V vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng và không giao nộp cho Tòa án văn bản ghi ý kiến, tài liệu chứng cứ về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và cũng không có yêu cầu phản tố trong vụ án.

Toà án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, nhưng bị đơn vắng mặt nên vụ án không hòa giải được và Toà án quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên toà sơ thẩm, nguyên đơn Bà L và bị đơn ông V đều vắng mặt, nhưng Bà L có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tố tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bà Đặng Thị L khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Lê Minh V. Căn cứ theo Điều 28, 35 và 39 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án xác định quan hệ pháp luật tố tụng là *"tranh chấp ly hôn"*, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An theo thủ tục sơ thẩm.

[2] Nguyên đơn bà Đặng Thị L, bị đơn ông Lê Minh V đều vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm nhưng Bà L có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt hợp lệ; ông V vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ theo Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Toà án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Theo Biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ thì nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp về tình cảm vợ chồng; không yêu cầu cấp dưỡng; không tranh chấp về tài sản chung và thừa nhận không có nợ chung với bị đơn. Bị đơn không có yêu cầu phản tố trong vụ án. Căn cứ khoản 1 Điều 5 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chỉ xem xét đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và giải quyết hậu quả theo quy định pháp luật.

[4] Theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 82/2012 của UBND xã Hòa Khánh Tây và sự thừa nhận của đương sự thì Bà L và ông V xác lập quan hệ vợ chồng có đăng ký kết hôn tại UBND xã Hòa Khánh Tây, huyện Đức Hòa vào ngày 30/7/2012 là quan hệ hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật bảo vệ.

[5] Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa Bà L với ông V là do ông V có quan hệ ngoại tình; vợ chồng đã sống ly thân nhau và ông V không có thiện chí hàn

gắn tình cảm vợ chồng với Bà L. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa Bà L với ông V đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của Bà L đối với ông V.

[6] Về con chung: Theo Giấy khai sinh số 175/HT của UBND xã Hòa Khánh Tây và sự thừa nhận của đương sự thì Bà L với ông V có một con chung tên Lê Đặng Diễm Trang, sinh ngày 20/4/2002; đã thành niên, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Bà L không yêu cầu ông V cấp dưỡng sau khi ly hôn nên không đề cập.

[8] Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[9] Về nợ chung: Đương sự trình bày không có nợ chung với nhau nên không đề cập.

[10] Về án phí: Bà Đặng Thị L phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 228, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26, 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Căn cứ vào Điều 53, 56 và khoản 1 Điều 131 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tuyên xử;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà Đặng Thị L đối với ông Lê Minh V.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Đặng Thị L được ly hôn với ông Lê Minh V.

Về con chung: Bà Đặng Thị L và ông Lê Minh V có một con chung tên Lê Đặng Diễm Trang, sinh ngày 20/4/2002; đã thành niên.

Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Đương sự trình bày không có nợ chung.

Về án phí: Bà Đặng Thị L phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm; chuyển 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo Biên lai số 0004546 ngày 11 tháng 02 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hòa sang thi hành án phí.

Án xử sơ thẩm, các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Long An.
- VKSND huyện Đức Hoà;
- Chi cục THADS huyện Đức Hòa;
- UBND xã Hòa Khánh Tây;
- Lưu: hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Phương